

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2030

*(Ban hành theo Quyết định số 2633/QĐ-ĐHKHTN ngày 22 / 7 /2015 của
Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN)*

Hà Nội, 2015

MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU	1
2. BỐI CẢNH.....	1
2.1. Quốc tế	1
2.2. Trong nước	2
3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN.....	3
4. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI	3
4.1. Sứ mạng.....	3
4.2. Tầm nhìn.....	3
4.3. Giá trị cốt lõi.....	4
4.4. Khẩu hiệu hành động.....	4
5. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.....	4
5.1. Mục tiêu chung	4
5.2. Mục tiêu cụ thể	4
6. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM.....	5
6.1. Đào tạo.....	5
6.2. Khoa học và công nghệ	5
6.3. Hội nhập quốc tế.....	6
7. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN.....	6
7.1. Đổi mới quản trị đại học	6
7.2. Hoàn thiện mô hình tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao ..	7
7.3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo	7
7.4. Hiện đại hóa cơ sở vật chất.....	8
7.5. Gia tăng các nguồn lực tài chính	8
7.6. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác phát triển	9
8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	9
PHỤ LỤC: CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN.....	10

1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) là đơn vị nòng cốt trong Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Kế thừa truyền thống 60 năm xây dựng và phát triển (của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước đây và Trường ĐHKHTN ngày nay), Trường ĐHKHTN đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong đào tạo và nghiên cứu, góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Là một trong những trường đại học hàng đầu ở Việt Nam về khoa học cơ bản, trong giai đoạn vừa qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Trường ĐHKHTN đã đạt được những thành tích đáng tự hào nhưng cũng phải đối mặt và vượt qua không ít khó khăn, thách thức.

Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đưa ra định hướng và kế hoạch phát triển Nhà trường trong 15 năm tới, nhằm tiếp tục phát huy các thành tựu, khắc phục những hạn chế, xây dựng và phát triển Trường thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực Châu Á, phù hợp với vai trò, vị thế và tình hình cụ thể của mình trong bối cảnh phát triển của đất nước. Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xây dựng dựa trên Chiến lược phát triển của ĐHQGHN, các Nghị quyết của Trung ương về đổi mới giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN).

2. BỐI CẢNH

2.1. Quốc tế

Xu hướng thế giới chuyển sang nền kinh tế tri thức, làm tăng cao nhu cầu lao động trí thức, đặc biệt trong lĩnh vực KH&CN. Tình hình đó đòi hỏi các trường đại học phải thực hiện tốt hai chức năng truyền thống là đào tạo và nghiên cứu, nhằm đáp ứng hiệu quả và nhanh chóng các nhu cầu xã hội, đồng thời thúc đẩy nhu cầu nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao trong kỷ nguyên mới.

Trong nền kinh tế tri thức, KH&CN là một trong những yếu tố quan trọng của lực lượng sản xuất, hay rộng hơn là của phương thức sản xuất. Sự phát triển các ngành khoa học cơ bản ở Việt Nam là điều tất yếu vì chúng là nền tảng cho các nghiên cứu ứng dụng và tiếp thu tri thức KH&CN tiên tiến của thế giới. Đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, những nghiên cứu ứng dụng và triển khai sản xuất là những vấn đề quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, song điều đó chỉ thực hiện được khi có các nghiên cứu khoa học cơ bản cung cấp luận cứ khoa học định hướng cho nghiên cứu ứng dụng.

Trong tình hình hiện nay của thế giới, tiềm lực trí tuệ của mỗi nước, mà phần quan trọng nhất là khoa học cơ bản, đã trở thành sức mạnh vật chất của mỗi quốc gia. Nền khoa học của Việt Nam là một bộ phận hữu cơ của hệ thống khoa học thế giới. Việt Nam hoàn toàn có khả năng tạo lập cho mình một vị trí khoa học xứng

đáng trên trường quốc tế. Trong bối cảnh như vậy, Trường ĐHKHTN sẽ có những cơ hội thuận lợi để phát huy vai trò đầu tàu của mình trong nghiên cứu và đào tạo về khoa học cơ bản.

2.2. Trong nước

Nghị quyết 29-NQ/TW (Nghị quyết TW8 Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: “*Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực*”. Riêng đối với giáo dục đại học phải đặt mục tiêu tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức của người học, trong đó một số trường, ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế.

Nghị quyết 20-NQ/TW (Nghị quyết TW6 Khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế xác định: “*Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN, đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới...*”.

Luật giáo dục Đại học được thông qua năm 2012, Nghị định số 186/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Đại học Quốc gia và Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên làm tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho ĐHQGHN và các trường đại học thành viên.

Nhà nước đã có nhiều chính sách đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động KH&CN và đổi mới toàn diện giáo dục đại học như hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý, phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách phát triển, sử dụng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài,... Đặc biệt, trong định hướng phát triển đã đưa ra giải pháp cụ thể ưu tiên một số ngành thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên mà Trường ĐHKHTN có lợi thế.

Nhiều học sinh, sinh viên của Trường đoạt giải cao trong các kỳ thi trí tuệ quốc tế (Olympic học sinh, sinh viên, sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc tế), nhiều nhà khoa học trở thành chuyên gia hàng đầu ở các viện nghiên cứu, trường đại học danh tiếng của nước ngoài cho thấy trí tuệ người Việt có thể đạt tầm cao thế giới.

Trường ĐHKHTN là trường đại học hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo cán bộ khoa học cơ bản cho đất nước. Trong sự nghiệp đổi mới giáo dục đại học, Trường đã có nhiều đóng góp tích cực, tiên phong trong việc nâng cao chất lượng đào tạo hướng tới chuẩn mực quốc tế. Là trường đại học thành viên của ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN luôn là đơn vị trụ cột, có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình xây dựng ĐHQGHN trở thành một trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao.

Trường đã và đang thực hiện các dự án nhằm mục tiêu xây dựng một số ngành, khoa sớm đạt chuẩn quốc tế. Từ các dự án này, Trường có thêm nguồn lực để bồi dưỡng cán bộ và nâng cấp cơ sở vật chất. Trường được lựa chọn ưu tiên đầu tư xây dựng và chuyển lên khu công nghệ cao Hòa Lạc đầu tiên, điều này sẽ tạo điều kiện thúc đẩy việc triển khai các phòng thí nghiệm mới và hiện đại đáp ứng yêu cầu cao về chất lượng đào tạo và nghiên cứu của khu vực và thế giới. Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, sự cạnh tranh giữa các trường đại học trong nước ngày càng tăng. Nhiều trường đại học tuy mới được thành lập nhưng lại có điều kiện thuận lợi về tài chính và cơ chế để thu hút cán bộ và sinh viên giỏi. Sự cạnh tranh không chỉ đối với các trường đại học trong nước mà còn với các trường đại học quốc tế tại Việt Nam.

3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

3.1. Phát triển Trường ĐHKHTN theo chiến lược chung của ĐHQGHN, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, KH&CN. Đồng thời, kế thừa và phát huy những thành tựu đạt được của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước đây và Trường ĐHKHTN ngày nay.

3.2. Xây dựng Trường ĐHKHTN thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực khoa học tự nhiên; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.3. Phát triển bền vững, đổi mới và sáng tạo, hướng tới chất lượng xuất sắc. Phát huy sức mạnh tổng hợp thông qua việc đẩy mạnh liên thông, liên kết, hợp tác toàn diện với các đơn vị trong và ngoài ĐHQGHN để tạo giá trị gia tăng và các kết quả, sản phẩm khoa học công nghệ độc đáo.

4. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

4.1. Sứ mạng

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN là trường đại học nghiên cứu, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu phát triển và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Phấn đấu đưa Trường ĐHKHTN trở thành trường đại học nghiên cứu thuộc nhóm 100 trường đại học hàng đầu châu Á vào năm 2020 và một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến của châu Á vào năm 2030.

4.3. Giá trị cốt lõi

Truyền thống 60 năm xây dựng và phát triển đã hình thành nên bản sắc văn hóa và triết lý phát triển của Trường ĐHKHTN với một hệ giá trị cốt lõi sau đây:

- *Chất lượng xuất sắc;*
- *Đổi mới và sáng tạo;*
- *Trách nhiệm xã hội cao;*
- *Hợp tác và thân thiện.*

4.4. Khẩu hiệu hành động

”Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội”

5. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

5.1. Mục tiêu chung

Trở thành trường đại học nghiên cứu ngang tầm với các đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á và có một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến châu Á, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

5.2. Mục tiêu cụ thể

5.2.1. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước

- Quy mô các bậc đào tạo hợp lý, phù hợp với tiêu chí đại học nghiên cứu, đặc biệt là các tiêu chí về tỷ lệ quy mô đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Cân đối quy mô đào tạo các ngành khoa học cơ bản và khoa học cơ bản định hướng ứng dụng.

- Chất lượng các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao, tiên tiến, chuẩn quốc tế được chú trọng hàng đầu, đồng thời tiên phong mở mới một số chương trình đào tạo thí điểm ở Việt Nam mang tính liên ngành và ứng dụng cao. Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu.

- Các chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng quốc gia và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc hoặc tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bất cứ nơi nào trong môi trường toàn cầu hóa.

5.2.2. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Phát triển được các ngành khoa học cơ bản có thể mạnh đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

- Khoa học tự nhiên và khoa học liên ngành gắn với các định hướng ứng dụng, có các nghiên cứu chuyển giao, sáng chế, giải pháp hữu ích, góp phần giải quyết được một số vấn đề trọng yếu trước mắt và lâu dài của đất nước.

5.2.3. Nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Trường ĐHKHTN

- Mô hình, cơ cấu tổ chức và các tiêu chí phát triển của Trường ĐHKHTN phù hợp, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và xếp hạng đại học.

- Các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao, tiên tiến, chuẩn quốc tế của Trường ĐHKHTN đạt trình độ khu vực và quốc tế. Văn bằng, học phần và tín chỉ tích lũy tại Trường ĐHKHTN được nhiều trường đại học trên thế giới công nhận. Thực hiện tốt việc trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đại học trên thế giới. Thu hút nhiều giảng viên và sinh viên quốc tế tới làm việc và học tập tại Trường.

- Một số chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài được chuyển giao và tổ chức đào tạo tại Trường ĐHKHTN.

Các chỉ tiêu cơ bản của Chiến lược phát triển được tổng hợp ở Phụ lục.

6. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

6.1. Đào tạo

6.1.1. Tiếp tục triển khai thực hiện và phát triển các chương trình đào tạo thuộc Nhiệm vụ chiến lược, đặc biệt quan tâm và chú trọng chất lượng của các chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng; xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế cũng như một số chương trình đào tạo liên ngành mang tính ứng dụng, có nhu cầu xã hội cao.

6.1.2. Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp kiểm định chất lượng, nâng cao chất lượng đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

6.1.3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo sau đại học thông qua việc xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo liên kết quốc tế. Xây dựng cơ chế thu hút các giáo sư giỏi của nước ngoài đến giảng dạy và tham gia đồng hướng dẫn luận văn, luận án, cùng thực hiện các đề án hợp tác nghiên cứu, giúp nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo sau đại học.

6.1.4. Nâng cao vị thế của Trường THPT Chuyên KHTN như một vườn ươm nhân tài cho đất nước; tạo bản sắc riêng bằng mối liên hệ chặt chẽ giữa Trường THPT Chuyên KHTN với các đơn vị đào tạo khác trong Trường.

6.2. Khoa học và công nghệ

6.2.1. Đẩy mạnh chất lượng nghiên cứu cơ bản, hình thành các hướng nghiên cứu chuyên sâu, các trường phái khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đóng góp vào sự phát triển KH&CN nước nhà, xứng đáng với vị thế đại học hàng đầu của Việt Nam về khoa học cơ bản.

6.2.2. Phát triển một số lĩnh vực khoa học liên ngành: khoa học tính toán, khoa học vật liệu, năng lượng tái tạo, khoa học sự sống - công nghệ sinh học, khoa học -

công nghệ môi trường, khoa học phân tích ứng dụng, khoa học về biến đổi khí hậu, khoa học - công nghệ biển. Tập trung nghiên cứu các giải pháp về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế biển, phòng tránh và giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu, cảnh báo và chủ động ứng phó với thiên tai.

6.2.3. Gắn liền nghiên cứu khoa học với đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học, kết hợp nghiên cứu cơ bản và triển khai ứng dụng, gắn chặt với thực tiễn, đóng góp tích cực vào việc giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, đặc biệt là các lĩnh vực mà Trường có thế mạnh.

6.2.4. Xây dựng mô hình tổ chức các đơn vị nghiên cứu ứng dụng hợp lý, phù hợp với thế mạnh sẵn có của Trường ĐHKHTN, đạt hiệu quả hoạt động cao và đảm bảo sự phát triển bền vững. Xây dựng mới hoặc nâng cấp một số phòng thí nghiệm hiện có thành phòng thí nghiệm trọng điểm cấp ĐHQGHN và cấp Quốc gia với định hướng phát triển thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc (COE), có khả năng đề xuất và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu lớn, có tính liên ngành cao và hợp tác quốc tế hiệu quả.

6.3. Hội nhập quốc tế

6.3.1. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong đào tạo, đặc biệt là những chương trình đào tạo thuộc Nhiệm vụ chiến lược và các chương trình thí điểm.

6.3.2. Tăng cường mức độ quốc tế hóa các hoạt động KH&CN, gắn liền với phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu phối hợp với nước ngoài, gia tăng tiềm lực KH&CN của Trường ĐHKHTN.

6.3.3. Tìm kiếm nguồn kinh phí cấp học bổng cho sinh viên nước ngoài tới học tập và nghiên cứu tại Trường ĐHKHTN. Tạo cơ chế để có nhiều Giáo sư và các nhà khoa học từ các Trường đại học, các Viện nghiên cứu nước ngoài tới giảng dạy và nghiên cứu tại Trường.

7. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN

7.1. Đổi mới quản trị đại học

7.1.1. Hoàn thiện các văn bản quản lý, cơ chế điều hành, đảm bảo phát huy quyền chủ động, sáng tạo và trách nhiệm xã hội cao của các đơn vị và cá nhân trong Trường. Đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo, KH&CN và đầu tư theo chất lượng sản phẩm đầu ra; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả công tác giám sát nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động ở các đơn vị trong Trường.

7.1.2. Tạo dựng môi trường, điều kiện làm việc thân thiện, dân chủ, công bằng, đồng thuận, tiện nghi, thúc đẩy sáng tạo, tự do học thuật. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng, văn hoá công sở trong Nhà trường.

7.1.3. Áp dụng quản trị đại học theo số lượng và chất lượng sản phẩm đầu ra, tiếp cận hệ thống, liên ngành. Triển khai thực hiện bộ chỉ số đánh giá hoàn thành

nhiệm vụ, các chỉ số cốt lõi của đại học nghiên cứu.

7.1.4. Thực hiện cải cách và hiện đại hóa công tác hành chính, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi hoạt động. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu.

7.2. Hoàn thiện mô hình tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao

7.2.1. Xây dựng và vận hành mô hình đại học nghiên cứu. Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ theo phương thức tiếp cận quản trị nhân lực của đại học nghiên cứu tiên tiến. Thực hiện chính sách đầu tư tương xứng với tiềm năng của cán bộ và mức độ ưu tiên của công việc.

7.2.2. Thực hiện Đề án phát triển đội ngũ cán bộ trình độ cao theo nhóm nhiệm vụ, nhóm lĩnh vực, khung năng lực và chuẩn chức danh, phù hợp với tiêu chí của đại học nghiên cứu về quy mô, cơ cấu và trình độ.

7.2.3. Tập trung nguồn lực phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, trong đó có một số nhóm nghiên cứu đạt trình độ quốc tế, gắn liền với việc xây dựng các Viện/Trung tâm/Phòng thí nghiệm nghiên cứu tiên tiến.

7.2.4. Thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích, tôn vinh và đãi ngộ các nhà khoa học có trình độ cao; thu hút các nhà khoa học quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu và lãnh đạo nhóm nghiên cứu.

7.2.5. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ công chức, viên chức và người lao động theo chức danh và quy hoạch; nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm khi thi hành công vụ.

7.2.6. Phát triển các diễn đàn khoa học nhằm nâng cao tính phản biện, tư vấn khoa học, tạo sự liên thông giữa các đơn vị; phát hiện, thu hút và tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học xuất sắc trong và ngoài nước vào các chương trình đào tạo và nghiên cứu của Trường.

7.3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

7.3.1. Áp dụng một số giải pháp phù hợp và đồng bộ để nâng cao chất lượng tuyển sinh của các bậc học. Tập trung thu hút nguồn tuyển sinh đại học từ học sinh các trường trung học phổ thông chuyên.

7.3.2. Điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong nước và tiếp cận với trình độ của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

7.3.4. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học. Kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với bồi dưỡng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc theo nhóm và năng lực lãnh đạo cho người học. Nâng cao năng lực tự học, khả năng làm việc độc lập và các kỹ năng mềm cho sinh viên.

7.3.5. Đầu tư trang thiết bị các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu theo hướng từng bước đạt chuẩn quốc tế. Đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, bài giảng.

7.3.6. Chủ động thực hiện thành công các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao và các chương trình đào tạo tiên tiến cũng như các chương trình thuộc nhiệm vụ chiến lược của ĐHQGHN.

7.3.7. Hàng năm thực hiện việc kiểm định các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của ĐHQGHN và của quốc tế.

7.3.8. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong đào tạo, tăng cường các chương trình hợp tác trao đổi cán bộ, sinh viên với các đối tác quốc tế chiến lược của Trường.

7.4. Hiện đại hóa cơ sở vật chất

7.4.1. Tích cực phối hợp, thúc đẩy tiến độ Dự án xây dựng Trường ĐHKHTN tại Hoà Lạc. Chủ động tìm kiếm đối tác, huy động các nguồn vốn đầu tư cho cơ sở mới của Trường tại Hoà Lạc.

7.4.2. Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất hiện có theo hướng hợp lý, hiệu quả để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu trong thời gian chưa chuyển đến cơ sở mới tại Hoà Lạc.

7.4.3. Xây dựng và triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư chiều sâu, kết hợp đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới một số trung tâm, viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm gắn với các nhóm nghiên cứu mạnh và nhóm sản phẩm KH&CN trọng điểm để nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu tương thích với mục tiêu và kế hoạch phát triển đào tạo, KH&CN.

7.4.4. Phát triển nguồn học liệu đáp ứng được yêu cầu của đại học nghiên cứu tiên tiến. Quy hoạch và phát triển hệ thống thư viện hiện đại.

7.4.5. Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành, cũng như thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức.

7.5. Gia tăng các nguồn lực tài chính

7.5.1. Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, tiên tiến, tài năng, đạt chuẩn quốc tế, các chương trình đào tạo theo Đề án 911, 165, 599 và các chương trình đào tạo liên kết quốc tế nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo.

7.5.2. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các chương trình, dự án lớn về KH&CN nhằm thu hút đầu tư của Nhà nước, của các tổ chức quốc tế, đồng thời thúc đẩy việc tiếp cận nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế lớn để tăng cường kinh phí cho hoạt động KH&CN và đem lại hiệu quả đầu tư cao, thương mại hóa được sản phẩm KH&CN.

7.5.3. Phát triển các đơn vị (Công ty và Trung tâm) và loại hình dịch vụ để tăng

nguồn thu sự nghiệp.

7.5.4. Đẩy mạnh vận động tài trợ từ các nhà tài trợ, trong đó có Hội cựu sinh viên của Trường.

7.6. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác phát triển

7.6.1. Xây dựng môi trường, cơ chế, thủ tục và chính sách phù hợp để phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc các bên cùng có lợi.

7.6.2. Xác lập hệ thống đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Triển khai hợp tác thông qua các chương trình nghiên cứu, đào tạo phối hợp các nhóm nghiên cứu mạnh..

7.6.3. Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác Trường - Viện - Doanh nghiệp - Địa phương, thu hút các chuyên gia khoa học, nhà quản lý, doanh nhân tham gia giảng dạy, nghiên cứu theo mô hình phối hợp.

7.6.4. Tăng cường kết nối các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, hợp tác và chuyển giao tri thức với các đối tác, đặc biệt là với các tập đoàn kinh tế, các địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trường ĐHKHTN: Tổ chức xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch 5 năm và kế hoạch nhiệm vụ hàng năm.

Các đơn vị trực thuộc: Phổ biến sâu rộng nội dung của Chiến lược đến tất cả các bộ phận trong đơn vị và toàn thể công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh. Đồng thời, giới thiệu rộng rãi Chiến lược đến các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển của đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và kế hoạch hành động cụ thể hàng năm của đơn vị.

Hàng năm, Nhà trường và các đơn vị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh Chiến lược (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Nội

PHỤ LỤC

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN đến năm 2020

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2010	2015* (kết quả đạt được)	2020
1. Đào tạo				
1.1.	<i>Chỉ tiêu tuyển sinh (người)</i>			
	- Chính quy	2000	2.070	2.250
	<i>Trong đó, Cử nhân/Kỹ sư</i>	<i>1300</i>	<i>1.370</i>	<i>1.450</i>
	<i>Thạc sĩ</i>	<i>600</i>	<i>600</i>	<i>650</i>
	<i>Tiến sĩ</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>150</i>
	- Vừa làm vừa học	200	100	100
	- THPT Chuyên + Chất lượng cao	450+100	450+100	500+100
1.2	<i>Quy mô đào tạo (người)</i>			
	- Chính quy	6.850	6.230	7.400
	<i>Trong đó, Cử nhân</i>	<i>5.000</i>	<i>5.000</i>	<i>5.500</i>
	<i>Thạc sĩ</i>	<i>1.600</i>	<i>903</i>	<i>1.500</i>
	<i>Tiến sĩ</i>	<i>250</i>	<i>327</i>	<i>400</i>
	- Đại học vừa làm vừa học	1.800	1.646	300
1.3.	<i>Đào tạo chất lượng cao</i>			
	- Tỷ lệ quy mô đào tạo tài năng, chất lượng cao, tiên tiến, và chuẩn quốc tế trên tổng quy mô đào tạo chính quy	10%	25%	30%
	- Tỷ lệ quy mô đào tạo liên kết quốc tế trên tổng quy mô đào tạo chính quy	2%	1%	2%
1.4.	<i>Cơ cấu ngành đào tạo giữa các nhóm lĩnh vực</i>			
	- Khoa học cơ bản		90%	80%
	- Khoa học cơ bản hướng ứng dụng		10%	17%
	- Liên ngành			3%
1.5.	<i>Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ khoa học</i>			
	- Thành lập và phát triển các đơn vị thành viên		1	2
	- Tổng số cán bộ	650	686	850
	- Tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên cao học, nghiên cứu sinh/cán bộ giảng dạy	16	14	13

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2010	2015* (kết quả đạt được)	2020
	- Tỷ lệ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học/cán bộ giảng dạy cơ hữu	65%	88%	90%
	- Tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư/Tổng số Giảng viên cơ hữu	30%	40%	45%
	- Tỷ lệ cán bộ khoa học/tổng số cán bộ	58%	73%	80%
	- Tỷ lệ cán bộ giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh	25%	45%	50-55%
1.6. Kiểm định chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực quốc tế				
	- Tỷ lệ chương trình đào tạo đại học đã được kiểm định	6%	30,4%	100%
	<i>Trong đó, kiểm định quốc tế</i>	2%	26%	30%
	- Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp		75%	85%
	- Tỷ lệ sinh viên tiếp tục học tập, nghiên cứu hoặc làm việc trong môi trường quốc tế	10%	15%	20%
1.7. Phát triển năng khiếu và bồi dưỡng nhân tài				
	- Quy mô đào tạo trung học phổ thông chuyên (không bao gồm chất lượng cao)	1.300	1.137	1.500
	- Giải thưởng Olympic quốc tế học sinh và sinh viên/năm	4	8	10
	- Giải thưởng nghiên cứu khoa học và Olympic sinh viên cấp ĐHQGHN và tương đương/năm	10	15	20
2. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức				
2.1. Số bài báo, báo cáo khoa học/năm				
	- Số bài báo trong nước		257	400
	- Số báo cáo khoa học trong nước		103	300
	- Quốc tế	150	246	350
	<i>Số bài báo thuộc hệ thống ISI và SCOPUS</i>		210	300
2.2. Sách chuyên khảo/năm				
	- Tiếng Việt	2	3	10
	- Tiếng nước ngoài		1	2
2.3. Sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách/năm				

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2010	2015* (kết quả đạt được)	2020
	- Sáng chế, giải pháp hữu ích	2	3 (giai đoạn 5 năm)	5
	- Giải pháp khoa học và công nghệ cấp ĐHQGHN		1	2
2.4.	<i>Sản phẩm khoa học công nghệ được chuyên giao hoặc thương mại hóa</i>	1	1	3
2.5.	<i>Chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác (cấp ĐHQGHN trở lên)/năm</i>			
	- Trong nước		3	6
	- Quốc tế	2	2	4
2.6.	<i>Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu</i>			
	- Trọng điểm cấp ĐHQGHN trở lên	1	1	15
	- Hợp tác doanh nghiệp		1	3
	- Hợp tác quốc tế	1	2	4
	- Nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN		7	12
2.7.	<i>Doanh nghiệp, vườn ươm khoa học công nghệ</i>		1	2
2.8.	<i>Các giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế/năm</i>		1	2
3. Hội nhập quốc tế				
3.1.	<i>Hội nhập theo tiêu chí đại học nghiên cứu</i>			
	- Tỷ lệ kinh phí Đào tạo/Nghiên cứu khoa học/Dịch vụ		6,5/2,5/1	5,5/3/1,5
3.2.	<i>Mức độ quốc tế hóa</i>			
	- Số lượt sinh viên đi trao đổi, học tập/năm		30	80
	- Số lượt sinh viên nước ngoài đến trao đổi, học tập/năm		50	150
	- Số lượt cán bộ đi trao đổi khoa học và giảng dạy ở nước ngoài/năm	40	85	200
	- Số lượt cán bộ khoa học nước ngoài đến trao đổi khoa học và giảng dạy/năm		50	150
3.3.	<i>Số chương trình liên kết đào tạo quốc tế</i>		2	6

* Số liệu năm 2015 được tính đến tháng 6/2015, riêng số liệu về công bố khoa học là của năm 2014 do chưa thể có số liệu của cả năm 2015.